

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS-ST.

Ngày: 06-8-2021

v/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Quách Thành Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. ông Lê Thanh Sơn
2. ông Nguyễn Văn Đang

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Thu Linh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên tòa: bà Trịnh Thị Huế - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXX-ST, ngày 22 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2021/QĐST-DS, ngày 08/7/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: NHTMCPAC

Địa chỉ: NTMK, Phường A, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Minh T – chức vụ Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Phạm Thị Th – chức vụ chuyên viên xử lý nợ 3 (theo Giấy ủy quyền số 824/UQQLN.20 ngày 12/8/2020).

Người đại diện theo ủy quyền lại: bà Nguyễn Thị Nh – Nhân viên xử lý nợ (theo Giấy ủy quyền ngày 26/01/2021)

Địa chỉ: PCT, quận HK, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Minh C, sinh năm 1996

Địa chỉ: Tổ B, phường TS, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình.

(các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 01 năm 2021, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Nh trình bày:

NHTMCPAC (sau đây gọi là ACB) có ký với bị đơn anh Nguyễn Minh C 01 hợp đồng cấp tín dụng và 01 hợp đồng cấp thẻ tín dụng, cụ thể như sau:

Đối với Hợp đồng cấp tín dụng số THL.CN.1300.241019 (số tài khoản vay: 294756169) ngày 24/10/2019, với số tiền vay là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng); thời hạn cho vay: 60 tháng từ ngày 24/10/2019 đến ngày 24/10/2024; mục đích cho vay tiêu dùng, không có tài sản bảo đảm; lãi suất trong hạn được đồng thời áp dụng hai phương thức tính, phương thức 1: tính theo dư nợ ban đầu là 11,00%/năm; phương thức 2: lãi suất tính theo dư nợ thực tế là 21,64%/năm; lãi suất quá hạn = 150% x 21.64%/năm = 32.46%/năm; lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm. Số tiền trả gốc và lãi được chia đều hàng tháng, cụ thể là số tiền nợ gốc trả hàng tháng là 1.667.000 đồng (100.000.000 đồng/60tháng), số tiền nợ lãi trả hàng tháng là 916.000 đồng (100.000.000 đồng x 11%/12). Ngày trả tiền gốc, lãi hàng tháng là ngày kế tiếp ngày nhận tiền vay lần đầu, tức ngày 25 hàng tháng.

Ngày 24/10/2019, ACB đã giải ngân số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) vào tài khoản tiền gửi thanh toán số 6507447 của anh Nguyễn Minh C tại ACB.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, anh Nguyễn Minh C chỉ thanh toán được 3 kỳ trả nợ cho nguyên đơn với tổng số tiền là 7.960.413 đồng (gồm 5.001.000 đồng nợ gốc, 2.756.401 đồng nợ lãi, 203.012 đồng phạt chậm trả lãi), cụ thể vào ngày 25/11/2019: thanh toán 2.583.000 đồng (gồm 1.667.000 đồng nợ gốc và 916.000 đồng nợ lãi); ngày 30/12/2019: thanh toán 2.785.471 đồng (gồm 1.667.000 đồng nợ gốc, 918.471 đồng nợ lãi và 200.000 đồng phạt chậm trả lãi); ngày 25/02/2020: thanh toán 2.591.942 đồng (gồm: 1.667.000 đồng nợ gốc, 921.930 đồng nợ lãi và 3.012 đồng phạt chậm trả lãi). Từ ngày 25/02/2020 đến nay bị đơn không thanh toán thêm bất kỳ khoản nợ nào nữa. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng nên ngày 28/07/2020, ACB đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ nợ vay còn chưa thanh toán của anh Nguyễn Minh C với dư nợ gốc chuyển quá hạn là 94.999.000 đồng. ACB yêu cầu anh Nguyễn Minh C thanh toán toàn bộ dư nợ trong vòng 15 ngày kể từ ngày ACB phát hành thông báo (hạn thanh toán là ngày 13/08/2020). Nếu đến ngày 13/08/2020 anh Nguyễn Minh C không trả hết nợ thì ACB sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ gốc còn lại của khoản vay sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn 32.46%/năm từ ngày 14/08/2020.

Căn cứ theo Hợp đồng cấp tín dụng số THL.CN.1300.241019 ngày 24/10/2019, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 06/8/2021 anh Nguyễn Minh C còn nợ ACB số tiền 133.240.394 đồng, bao gồm: tiền gốc là 94.999.000 đồng, tiền lãi

trong hạn là 6.068.603 đồng, lãi quá hạn là 30.526.466 đồng, tiền phạt chậm trả lãi là 1.646.325 đồng. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là anh Nguyễn Minh C phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nêu trên; kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn các khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận cho đến khi trả nợ xong.

Đối với hợp đồng cấp thẻ tín dụng: căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 24/10/2019 ACB cấp thẻ tín dụng cho anh Nguyễn Minh C, loại thẻ: Visa Platinum EMV; ngày cấp: 25/10/2019; hiệu lực thẻ: 36 tháng; hạn mức thẻ: 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng); lãi suất trong hạn, quá hạn, phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, anh Nguyễn Minh C đã thực hiện tất cả các giao dịch với tổng số tiền là 150.000.000 đồng, anh Nguyễn Minh C đã thanh toán cho ACB được 100.512.566 đồng vì vậy số tiền nợ gốc anh C còn nợ ACB là 49.487.434 đồng. Từ ngày 24/03/2020 anh C không thanh toán nữa. Do anh Nguyễn Minh C vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Thông báo giao dịch hàng tháng nên thuộc trường hợp ACB được quyền chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn theo quy định tại bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB. Do đó, ngày 19/6/2020 ACB đã chuyển khoản nợ thẻ chưa thanh toán của anh Nguyễn Minh C sang nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn. Căn cứ để tính tiền lãi đối với khoản nợ của anh Nguyễn Minh C theo điều 5, điều 10 Bản điều khoản điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB và Phụ lục 3 biểu phí, lãi suất và chính sách ưu đãi phí, lãi suất đối với thẻ tín dụng của Ngân hàng ACB, cụ thể: lãi suất trong hạn thẻ Visa Platinum là 27%/năm, lãi suất quá hạn $= 150\% \times 27\% / \text{năm} = 40,5\% / \text{năm}$.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là anh Nguyễn Minh C phải trả cho nguyên đơn 78.781.393 đồng (bảy mươi tám triệu bảy trăm tám mươi nghìn, ba trăm chín ba đồng), trong đó: 49.487.434 đồng tiền gốc và 29.293.959 đồng tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn các khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận cho đến khi trả nợ xong.

* Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết công khai hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để làm bản tự khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố, không tham gia phiên họp kiểm tra, tiếp cận và công khai chứng cứ, không tham gia phiên tòa.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến

trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 299, Điều 317, Điều 319, Điều 320, Điều 323 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của NHTMCPAC (ACB).
2. Buộc anh Nguyễn Minh C phải trả cho NHTMCPAC (ACB) các khoản sau đây:

- Số tiền gốc, lãi theo Hợp đồng cấp tín dụng số THL.CN.1300.241019 ngày 24/10/2019 tính đến ngày 06/08/2021 là 133.240.394 đồng, bao gồm: tiền gốc là 94.999.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 6.068.603 đồng, lãi quá hạn là 30.526.466 đồng, tiền phạt chậm trả lãi là 1.646.325 đồng.

- Số tiền gốc, lãi và phí vượt hạn mức tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 24/10/2019 tính đến ngày 06/08/2021 là 78.781.393 đồng, trong đó nợ gốc 49.487.434 đồng, lãi trong hạn và phí vượt hạn mức tín dụng là 6.615.834 đồng, lãi quá hạn là 22.678.125 đồng.

Tổng cộng các khoản là 212.021.787 đồng (Hai trăm mười hai triệu không trăm hai mươi một nghìn bảy trăm tám mươi bảy đồng). Thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Kể từ ngày 07/8/2021 cho đến khi thi hành án xong, anh Nguyễn Minh C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng số THL.CN.1300.241019 ngày 24/10/2019 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 24/10/2019, Bản điều khoản điều kiện sử dụng thẻ tín dụng và phụ lục 3 biểu phí, lãi suất và chính sách ưu đãi phí, lãi suất đối với thẻ tín dụng của NHTMCPAC cho đến khi thanh toán xong dư nợ theo Hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Về án phí: bị đơn Nguyễn Minh C phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.601.089 đồng (mười triệu, sáu trăm linh một nghìn, không trăm tám mươi chín đồng).

Hoàn trả lại NHTMCPAC (ACB) số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.360.000 đồng (bốn triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0001471 ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: NHTMCPAC khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với anh Nguyễn Minh C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: tổ 22, phường Trung Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp.

[2] Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết công khai hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để làm bản tự khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố, không tham gia phiên họp tiếp cận, kiểm tra và công khai chứng cứ. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, do vậy căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung và hiệu lực hợp đồng:

Hợp đồng cấp tín dụng số THL.CN.1300.241019 (số tài khoản vay: 294756169) ngày 24/10/2019 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 24/10/2019 giữa NHTMCPAC và anh Nguyễn Minh C các bên tham gia giao kết hoàn toàn tự nguyện, không bị ai lừa dối, ép buộc phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật Tổ chức tín dụng nên có hiệu lực, là căn cứ pháp lý phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia giao kết hợp đồng.

[4] Đối với Hợp đồng cấp tín dụng số THL.CN.1300.241019 ngày 24/10/2019.

Căn cứ vào chứng từ (sao kê tài khoản tiền gửi thanh toán) do nguyên đơn giao nộp, ngày 24/10/2019 ACB đã giải ngân số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) vào tài khoản tiền gửi thanh toán số 6507447 của anh Nguyễn Minh C tại ACB. Do vậy, theo hợp đồng anh Nguyễn Minh C phải có nghĩa vụ thanh toán các khoản gốc, lãi vào ngày 25 hàng tháng cho ACB cho đến khi hết các khoản nợ. Tuy nhiên, kể từ khi phát sinh nghĩa vụ trả nợ, bị đơn Nguyễn Minh C mới chỉ thanh toán được 03 kỳ trả nợ cho nguyên đơn. Tổng cộng 7.960.413 đồng gồm 5.001.000 đồng nợ gốc, 2.756.401 đồng nợ lãi, 203.012 đồng phạt do chậm trả lãi, từ ngày 25/02/2020 đến nay anh Nguyễn Minh C không thanh toán thêm bất kỳ kỳ trả nợ nào nữa, do vậy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, căn cứ quy định tại Điều 6 của Hợp đồng cấp tín dụng số THL.CN.1300.241019 ngày 24/10/2019 thì ACB có quyền chấm dứt việc cho vay và có quyền thu hồi nợ trước hạn đối với anh Nguyễn Minh C.

Số tiền gốc bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 100.000.000 đồng - 5.001.000 đồng = 94.999.000 đồng.

Số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn được tính theo thỏa thuận tại Điều 2 của Hợp đồng cấp tín dụng số THL.CN.1300.241019 ngày 24/10/2019, cụ thể như sau:

- Tiền lãi trong hạn kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ cho đến trước khi chuyển nợ quá hạn (từ ngày 25/02/2020 đến ngày 13/8/2020 là 06 kỳ 19 ngày) là 6.068.603 đồng (bao gồm: tổng 6 kỳ trả lãi x 916.000 đồng lãi trong hạn = 5.496.000 đồng và 19 ngày x dư nợ ban đầu 100.00.000 đồng x 11%/365 = 572.603 đồng).

- Tiền lãi quá hạn là: 30.526.466 đồng (bao gồm: lãi quá hạn của từng kỳ gốc không trả đúng hạn (1.667.000đ) tính từ kỳ tháng 2,3,4,5,6,7/2020 đến 13/08/2020 x 21.64%/năm x 0.5/365 = 281.179 đồng và số tiền lãi quá hạn từ ngày chuyển nợ quá hạn tính từ ngày 14/08/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 06/08/2021 là 358 ngày x lãi suất quá hạn 32.46%/365 x dư nợ thực tế 94.999.000 đồng = 30.245.287 đồng)

- Tiền phạt chậm trả lãi là 1.646.325 đồng (từ kỳ tháng 2/2020 đến ngày 06/08/2021 = số ngày nhân với lãi suất phạt chậm trả 10%/năm nhân với số tiền lãi chậm trả/365 ngày).

Như vậy, đối với yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc, lãi của Hợp đồng cấp tín dụng số THL.CN.1300.241019 ngày 24/10/2019 cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 133.240.394 đồng, bao gồm: tiền gốc là 94.999.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 6.068.603 đồng, lãi quá hạn là 30.526.466 đồng, tiền phạt chậm trả lãi là 1.646.325 đồng.

[5] Đối với Hợp đồng tín dụng dưới hình thức cấp thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 24/10/2019.

Theo bảng kê chi tiết quá trình sử dụng thẻ tín dụng do ACB cấp thì bị đơn chi tiêu như sau: ngày 04/11/2019 chi tiêu 50.000.000 đồng, ngày 09/12/2019 chi tiêu 50.000.000 đồng, ngày 20/01/2020 chi tiêu 50.000.000 đồng, tổng cộng là 150.000.000 đồng. Bị đơn cũng đã thanh toán như sau: ngày 06/12/2019 thanh toán 50.000.000 đồng, ngày 17/01/2020 thanh toán 50.000.000 đồng, ngày 24/02/2020 thanh toán 409.166 đồng, ngày 24/03/2020 thanh toán 103.400 đồng, tổng cộng đã thanh toán được 100.512.566 đồng, từ đó đến nay bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn. Do bị đơn không thanh toán đầy đủ cho nguyên đơn theo thông báo giao dịch hàng tháng, nên phát sinh nghĩa vụ trả gốc, lãi, phí cho nguyên đơn.

Theo điều 5, điều 10 Bản điều khoản điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB và Phụ lục 3 biểu phí, lãi suất và chính sách ưu đãi phí, lãi suất đối với thẻ tín dụng của Ngân hàng ACB, nghĩa vụ trả gốc, lãi, phí cho nguyên đơn được xác định như sau: lãi trong hạn là 27%/năm (không thay đổi trong suốt quá trình sử dụng thẻ), lãi suất quá hạn = 150% x 27%/năm = 40,5%/năm, phí chậm thanh toán là 4% số tiền thanh toán tối thiểu, tối thiểu 100.000 đồng, phí vượt hạn mức tín dụng là 0,075%/ngày trên số tiền vượt hạn mức. Sau khi đến ngày thanh toán mà chủ thẻ không thanh toán tối thiểu thì Ngân hàng sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ

sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn theo quy định. Vì vậy, ngày 19/06/2020 nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số tiền nợ 49.487.434 đồng sang nợ quá hạn và yêu cầu trả nợ gốc, lãi, phí với mức lãi suất đã được thỏa thuận trong thỏa thuận cấp thẻ tín dụng là có căn cứ.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tổng số tiền 78.781.393 đồng, trong đó: nợ gốc là 49.487. 434 đồng, lãi trong hạn và phí vượt hạn mức tín dụng từ ngày 24/01/2020 đến ngày chuyển nợ quá hạn 19/06/2020 là 6.615.834 đồng, lãi quá hạn từ ngày 20/06/2020 đến ngày xét xử 06/08/2021 là 22.678.125 đồng (413 ngày x 49.487.434 đồng x 40,5%/365) là phù hợp với các điều khoản theo Bản điều khoản điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB và Phụ lục 3 biểu phí, lãi suất và chính sách ưu đãi phí, lãi suất đối với thẻ tín dụng của Ngân hàng ACB nên cần chấp nhận.

[6] Từ những nhận định trên, căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử thấy có đầy đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của NHTMCPAC, buộc anh Nguyễn Minh C phải trả cho NHTMCPAC tổng cộng số tiền nợ theo Hợp đồng cấp tín dụng số THL.CN.1300.241019 ngày 24/10/2019 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 24/10/2019 tính đến ngày 06/08/2021 là 212.021.787 đồng (Hai trăm mười hai triệu không trăm hai mươi một nghìn bảy trăm tám mươi bảy đồng), trong đó: tiền gốc 144.486.434 đồng, lãi trong hạn và phí 12.684.437 đồng, lãi quá hạn 53.204.591 đồng, phạt chậm trả lãi 1.646.325 đồng. Thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 07/8/2021, anh Nguyễn Minh C phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng số THL.CN.1300.241019 ngày 24/10/2019, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 24/10/2019, Bản điều khoản điều kiện sử dụng thẻ tín dụng và phụ lục 3 biểu phí, lãi suất và chính sách ưu đãi phí, lãi suất đối với thẻ tín dụng của NHTMCPAC cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

[7] Về án phí.

Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là $(212.021.787 \text{ đồng} \times 5\% = 10.601.089 \text{ đồng})$.

Các đương sự trong vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117, Điều 299, Điều 317, Điều 319, Điều 320, Điều 323 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của NHTMCPAC (ACB).

2. Buộc anh Nguyễn Minh C phải trả cho NHTMCPAC (ACB) các khoản sau đây:

- Số tiền gốc, lãi theo Hợp đồng cấp tín dụng số THL.CN.1300.241019 ngày 24/10/2019 tính đến ngày 06/08/2021 là 133.240.394 đồng (một trăm ba mươi ba triệu, hai trăm bốn mươi nghìn, ba trăm chín mươi tư đồng), bao gồm: tiền gốc là 94.999.000 đồng (chín mươi tư triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn đồng), tiền lãi trong hạn là 6.068.603 đồng (sáu triệu, không trăm sáu mươi tám nghìn, sáu trăm linh ba đồng), lãi quá hạn là 30.526.466 đồng (ba mươi triệu, năm trăm hai mươi sáu nghìn, bốn trăm sáu mươi sáu đồng), tiền phạt chậm trả lãi là 1.646.325 đồng (một triệu, sáu trăm bốn mươi sáu nghìn, ba trăm hai mươi lăm đồng).

- Số tiền gốc, lãi và phí vượt hạn mức tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 24/10/2019 tính đến ngày 06/08/2021 là 78.781.393 đồng (bảy mươi tám triệu, bảy trăm tám mươi một nghìn, ba trăm chín mươi ba đồng), trong đó: nợ gốc 49.487.434 đồng (bốn mươi chín triệu, bốn trăm tám mươi bảy nghìn, bốn trăm ba mươi bốn đồng), lãi trong hạn và phí vượt hạn mức tín dụng là 6.615.834 đồng (sáu triệu, sáu trăm mười lăm nghìn, tám trăm ba mươi tư đồng), lãi quá hạn là 22.678.125 đồng (hai mươi hai triệu, sáu trăm bảy mươi tám nghìn, một trăm hai mươi lăm đồng).

Tổng cộng các khoản anh Nguyễn Minh C phải trả cho NHTMCPAC (ACB) là 212.021.787 đồng (Hai trăm mười hai triệu không trăm hai mươi một nghìn bảy trăm tám mươi bảy đồng). Thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Kể từ ngày 07/8/2021 cho đến khi thi hành án xong, anh Nguyễn Minh C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng số THL.CN.1300.241019 ngày 24/10/2019 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 24/10/2019, Bản điều khoản điều kiện sử dụng thẻ tín dụng và Phụ lục 3 biểu phí, lãi suất và chính sách ưu

đãi phí, lãi suất đối với thẻ tín dụng của NHTMCPAC cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Về án phí: anh Nguyễn Minh C phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.601.089 đồng (mười triệu, sáu trăm linh một nghìn, không trăm tám mươi chín đồng).

Hoàn trả lại NHTMCPAC (ACB) số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.360.000 đồng (bốn triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0001471 ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp.

5. Về quyền kháng cáo: các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP Tam Điệp;
- Chi cục THADS TP. Tam Điệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Quách Thành Trung